



BAKER TILLY

A&C

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN
BÌNH DƯƠNG**



an independent member of

**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2010	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	14 - 31
8. Phụ lục	32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4603000041 ngày 26 tháng 3 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lại và hoạt động theo mã số doanh nghiệp số 3700413826.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Đại diện vốn nhà nước: Bà Bùi Thị Lan	121.400.000.000	60,70%
Nguyễn Tấn Lợi	870.000.000	0,44%
Lê Minh Tâm	1.084.000.000	0,54%
Đoàn Văn Thuận	2.136.000.000	1,07 %
Lê Thị Diệu Thanh	870.000.000	0,44%
Các cổ đông khác	73.640.000.000	36,82%
Cộng	200.000.000.000	100,00%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường số 8, Khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : (0650) 3833 284 - 3816 299

Fax : (0650) 3833 281

Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Đường DT 743, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cầu kiện Bê tông đúc sẵn TDC	Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp xây dựng - TDC	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	138F Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 5, TP. Hồ Chí Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Văn phòng giao dịch Bất động sản	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Chánh Phú Hòa	Đường DT741, xã Chánh Phú Hòa huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước. Mua bán hóa chất (không độc hại mạnh), máy móc thiết bị, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất. Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể thao;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, tư vấn bất động sản, đầu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản. Sản giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản). Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Gia công chế biến đá xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn. Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Đầu tư tài chính;
- Lập dự án đầu tư. Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao.
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong kỳ, Công ty đã nhận được Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 75/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty (mã: TDC) chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 31).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Lan	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Quàn Văn Viết Cường	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	07 tháng 11 năm 2003	-
Bà Nguyễn Ngô Hường Dương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Bùi Bá Khoa	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 07 năm 2007	10 tháng 7 năm 2009

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

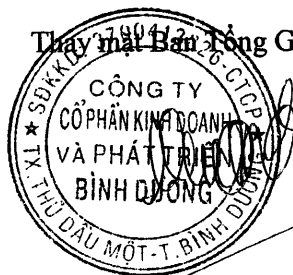
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 8 năm 2010





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0822/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

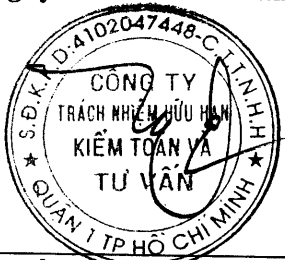
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 26 tháng 7 năm 2010, từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

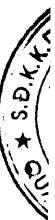
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2010



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		839.623.079.472	886.606.044.581
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	57.858.846.120	112.210.442.287
1. Tiền	111		11.249.884.383	9.734.351.795
2. Các khoản tương đương tiền	112		46.608.961.737	102.476.090.492
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.989.358.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.989.358.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		410.514.194.893	375.432.229.073
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	165.190.709.633	161.472.252.325
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	240.663.427.250	209.165.853.638
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	4.998.914.479	5.132.979.579
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(338.856.469)	(338.856.469)
IV. Hàng tồn kho	140		361.501.447.080	390.881.812.203
1. Hàng tồn kho	141	V.6	361.511.009.157	390.891.374.280
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.562.077)	(9.562.077)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.759.233.379	8.081.561.018
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.574.071	19.778.435
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		321.619.182	1.895.920.686
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	6.427.040.126	6.165.861.897

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		135.010.455.826	110.933.634.145
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		71.225.631.081	64.043.179.489
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	49.065.972.356	54.653.905.504
<i>Nguyên giá</i>	222		75.652.343.383	76.817.365.904
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(26.586.371.027)	(22.163.460.400)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.734.935.481	8.844.359.983
<i>Nguyên giá</i>	228		9.250.412.886	9.250.412.886
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(515.477.405)	(406.052.903)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	13.424.723.244	544.914.002
III. Bất động sản đầu tư	240	V.11	2.208.498.415	2.301.162.685
<i>Nguyên giá</i>	241		2.409.271.000	2.409.271.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(200.772.585)	(108.108.315)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		56.971.839.000	39.114.109.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	8.235.910.000	16.995.910.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	48.735.929.000	22.118.199.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.604.487.330	5.475.182.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.245.876.674	1.912.661.115
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	3.232.610.656	3.232.610.656
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	126.000.000	329.911.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		974.633.535.298	997.539.678.726

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		662.398.252.280	727.240.858.215
I. Nợ ngắn hạn	310		661.945.422.394	726.772.387.386
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	71.803.031.597	70.271.117.062
2. Phải trả người bán	312	V.18	91.181.890.140	75.753.736.372
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	275.974.962.687	361.509.398.958
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	16.216.263.433	7.129.368.407
5. Phải trả người lao động	315	V.21	1.376.069.936	1.540.595.420
6. Chi phí phải trả	316	V.22	16.526.491.218	10.759.433.173
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	171.218.742.912	179.569.173.537
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	15.682.620.069	12.555.601.182
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	1.965.350.402	7.683.963.275
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		452.829.886	468.470.829
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	452.829.886	468.470.829
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		312.235.283.018	270.298.820.511
I. Vốn chủ sở hữu	410		312.235.283.018	270.298.820.511
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	2.062.223.840	2.062.223.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	19.050.110.130	19.050.110.130
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	8.897.195.076	8.897.195.076
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	500.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	82.225.753.972	39.789.291.465
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		974.633.535.298	997.539.678.726

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

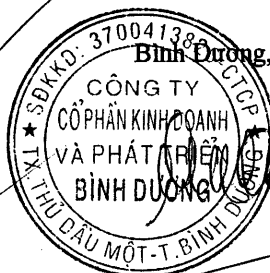
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-		-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-		-	
5. Ngoại tệ các loại		-		-	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-	

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 26 tháng 7 năm 2010

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	344.809.526.265	249.945.847.410
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.061.818.182	2.123.636.364
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	343.747.708.083	247.822.211.046
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	282.474.892.505	212.439.373.598
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.272.815.578	35.382.837.448
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.616.036.915	2.578.727.969
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.761.265.002	1.002.874.144
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.614.092.367	1.002.874.144
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	10.279.144.048	4.811.783.450
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.032.427.670	6.962.574.785
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.816.015.773	25.184.333.038
11. Thu nhập khác	31	VI.7	8.202.903.367	11.146.824.679
12. Chi phí khác	32	VI.8	896.531.198	1.536.027.223
13. Lợi nhuận khác	40		7.306.372.169	9.610.797.456
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.122.387.942	34.795.130.494
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	13.685.925.435	8.471.282.624
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>42.436.462.507</u>	<u>26.323.847.870</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.122</u>	<u>2.632</u>



Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 26 tháng 7 năm 2010

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		56.122.387.942	34.795.130.494
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8; V.9; V.11	5.453.394.240	4.846.500.276
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7; VI.8	(11.645.352.304)	(3.821.438.387)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.614.092.367	1.002.874.144
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54.544.522.245	36.823.066.527
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34.171.847.535)	(51.169.095.756)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		29.380.365.123	(16.393.272.839)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(62.823.332.825)	22.257.826.114
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		675.988.805	12.224.763
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.614.092.367)	(1.002.874.144)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(11.925.229.207)	(10.483.364.242)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		203.911.200	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.25	(5.718.612.873)	(3.107.060.163)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.448.327.434)	(23.062.549.740)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; V.10	(13.273.047.241)	1.382.950.396
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.363.636.369	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.571.022.000)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		13.319.500.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	4.819.020.604	2.352.571.021
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.341.912.268)	2.735.521.417

* U.K.K.5
 1
 QUẢ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

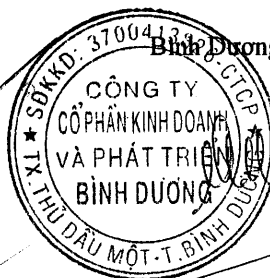
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	114.904.873.006	72.438.175.405
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(113.372.958.471)	(54.214.352.684)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(93.271.000)	(1.955.413.219)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.438.643.535	16.268.409.502
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(54.351.596.167)	(4.058.618.821)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	112.210.442.287	73.871.015.613
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	57.858.846.120	69.812.396.792

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 26 tháng 7 năm 2010

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

02
CÔ
H N
E M
T L
/ F
=

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong kỳ, Công ty đã nhận được Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 75/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty (mã: TDC) chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	5-18
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	3-5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6-10
Tài sản cố định khác	5-8

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 2 - 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 2 - 3 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

102
C
H
K
T
V

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 5% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa và công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	754.092.167	218.390.895
Tiền gửi ngân hàng	10.495.792.216	9.515.960.900
Các khoản tương đương tiền (*)	46.608.961.737	102.476.090.492
Cộng	57.858.846.120	112.210.442.287

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng. Trong đó: khoản cầm cố với giá trị là 4.000.000.000 VND của hợp đồng tiết kiệm ngày 11 tháng 02 năm 2010 bổ sung vào tài sản đảm bảo để vay ngắn hạn tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Bình Dương theo hợp đồng cầm cố số 01/2010 ngày 12 tháng 03 năm 2010.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh Bình Dương	106.889	2.387.558.000	-	-
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật IJC	20.000	601.800.000	-	-
Cộng		2.989.358.000		-

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu kinh doanh hàng hoá	89.047.060.339	91.134.208.993
Phải thu kinh doanh bất động sản	76.143.649.294	70.338.043.332
Cộng	165.190.709.633	161.472.252.325

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	232.197.519.545	207.886.807.518
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	8.465.907.705	1.279.046.120
Cộng	240.663.427.250	209.165.853.638

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức tạm tính phải thu	-	1.594.909.000
Phải thu Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	342.392.885	342.392.885
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	-	403.004.990
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.377.199.869	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	475.439.972	214.611.745
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	806.453.038	517.750.309
Các khoản phải thu khác	997.428.715	2.060.310.650
Cộng	4.998.914.479	5.132.979.579

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.899.974.071	4.958.463.550
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	323.504.540.201	351.928.482.894
Thành phẩm	841.637.725	779.819.804
Hàng hóa	32.264.857.160	33.224.608.032
Cộng	361.511.009.157	390.891.374.280

7. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng nhân viên.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	9.412.471.788	13.783.966.508	52.241.905.609	1.295.760.914	83.261.085	76.817.365.904
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	296.802.090	96.435.909	-	393.237.999
Thanh lý, nhượng bán	-	(85.350.560)	(1.424.640.665)	(48.269.295)	-	(1.558.260.520)
Số cuối kỳ	9.412.471.788	13.698.615.948	51.114.067.034	1.343.927.528	83.261.085	75.652.343.383
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.086.000	198.162.160	2.114.096.236	316.265.781	-	2.643.610.177
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.010.487.956	2.965.900.244	16.251.761.823	872.696.741	62.613.636	22.163.460.400
Khấu hao trong kỳ	595.736.202	747.234.444	3.740.965.489	156.961.703	10.407.630	5.251.305.468
Thanh lý, nhượng bán	-	(55.615.552)	(724.509.994)	(48.269.295)	-	(828.394.841)
Số cuối kỳ	2.606.224.158	3.657.519.136	19.268.217.318	981.389.149	73.021.266	26.586.371.027

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.401.983.832	10.818.066.264	35.990.143.786	423.064.173	20.647.449	54.653.905.504
Số cuối kỳ	6.806.247.630	10.041.096.812	31.845.849.716	362.538.379	10.239.819	49.065.972.356
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.142.857.143	107.555.743	9.250.412.886
Số cuối kỳ	9.142.857.143	107.555.743	9.250.412.886
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	322.398.423	83.654.480	406.052.903
Khấu hao trong kỳ	91.498.542	17.925.960	109.424.502
Số cuối kỳ	413.896.965	101.580.440	515.477.405
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.820.458.720	23.901.263	8.844.359.983
Số cuối kỳ	8.728.960.178	5.975.303	8.734.935.481
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	78.906.757	12.139.156.365	(96.435.909)	-	12.121.627.213
XDCB dở dang	466.007.245	1.168.352.224	(296.802.090)	(34.461.348)	1.303.096.031
Cộng	544.914.002	13.307.508.589	(393.237.999)	(34.461.348)	13.424.723.244

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.409.271.000	108.108.315	2.301.162.685
Tăng trong năm	-	92.664.270	-
Số cuối năm	2.409.271.000	200.772.585	2.208.498.415

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet ^(a)	-	2.235.910.000	-	2.235.910.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex ^(b)	440.000	4.400.000.000	440.000	4.400.000.000
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ ^(c)	-	1.600.000.000	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	-	-	100.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	-	-	36.000	360.000.000
Công ty cổ phần cửa Nam Âu	-	-	100.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	-	-	700.000	7.000.000.000
Cộng		8.235.910.000		16.995.910.000

(a) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 ngày 13 tháng 2 năm 2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex với số vốn là 4.400.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602001658 ngày 21 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ với số vốn là 8.000.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	458.609	5.044.699.000	537.109	5.908.199.000
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	321.900	3.766.230.000	700.000	8.190.000.000
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	100.000	1.000.000.000	-	-
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	86.500	865.000.000	-	-
Công ty cổ phần cửa Nam Âu	100.000	1.000.000.000	-	-
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	-	-
Trường đại học quốc tế Miền Đông	1.440.000	14.400.000.000	-	-
Cộng		48.735.929.000		22.118.199.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	750.198.655	719.784.348	(590.056.182)	-	879.926.821
Chi phí thuê văn phòng	444.888.006	-	(205.588.006)	(167.300.000)	72.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	717.574.454	-	(423.624.601)	-	293.949.853
Cộng	1.912.661.115	719.784.348	(1.219.268.789)	(167.300.000)	1.245.876.674

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

16. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(a)	71.803.031.597	68.071.117.062
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Bình Dương	-	2.200.000.000
Cộng	71.803.031.597	70.271.117.062

- (a) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất 10,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng hóa và số dư tiền gửi tại ngân hàng này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	70.271.117.062
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	114.904.873.006
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(113.372.958.471)
Số cuối kỳ	71.803.031.597

18. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	60.075.162.109	56.823.042.063
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	31.106.728.031	18.930.694.309
Cộng	91.181.890.140	75.753.736.372

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	252.151.297.887	361.231.730.908
Các khoản người mua trả tiền trước khác	23.823.664.800	277.668.050
Cộng	275.974.962.687	361.509.398.958

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	9.293.185.431	(2.223.190.085)	7.069.995.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.891.000.336	13.685.925.435	(11.925.229.207)	8.651.696.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	214.611.745	260.828.227	-	475.439.972
Thuế thu nhập cá nhân	23.756.326	225.632.629	(230.257.404)	19.131.551
Các loại thuế khác	-	11.000.000	(11.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	103.590.000	(103.590.000)	-
Cộng	7.129.368.407	23.580.161.722	(14.493.266.696)	16.216.263.433

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Ciment, hoạt động xây lắp và hoá chất các loại 10%
- Vật liệu xây dựng khác 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.122.387.942	34.795.130.494
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.378.686.200)	(910.000.000)
Thu nhập chịu thuế	54.743.701.742	33.885.130.494
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.685.925.435	8.471.282.624

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 chưa chi.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí công trình	15.757.366.948	10.752.233.173
Chi phí khác	769.124.270	7.200.000
Cộng	16.526.491.218	10.759.433.173

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	33.240.024	-
Kinh phí công đoàn	196.085.036	160.782.119
Cổ tức phải trả	11.360.514.631	11.453.785.631
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	154.782.401.400	155.706.988.900
Thu hộ tiền mua nhà	-	7.480.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	28.777.000	550.350
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.817.724.821	4.767.066.537
Cộng	171.218.742.912	179.569.173.537

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	12.555.601.182
Tăng do trích lập trong kỳ	7.926.888.522
Số đã sử dụng trong kỳ	(616.605.415)
Số đã hoàn nhập trong kỳ	(4.183.264.220)
Số cuối kỳ	15.682.620.069

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	6.381.340.463	(5.095.493.873)	1.285.846.590
Quỹ phúc lợi	1.302.622.812	(623.119.000)	679.503.812
Cộng	7.683.963.275	(5.718.612.873)	1.965.350.402

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	468.470.829
Số đã chi	(15.640.943)
Số cuối kỳ	452.829.886

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	121.401.000.000	121.401.000.000
Vốn góp của các cổ đông	78.599.000.000	78.599.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.062.223.840	2.062.223.840
Cộng	202.062.223.840	202.062.223.840

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	93.271.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	93.271.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	344.809.526.265	249.945.847.410
- Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	74.928.025.841	58.616.471.732
- Doanh thu bán thành phẩm	107.568.551.963	93.327.122.209
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	158.537.770.401	96.574.188.243
- Doanh thu khác	3.775.178.060	1.428.065.226
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.061.818.182)	(2.123.636.364)
- Hàng bán bị trả lại	(1.061.818.182)	(2.123.636.364)
Doanh thu thuần	343.747.708.083	247.822.211.046
Trong đó:		
- Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng	74.928.025.841	58.616.471.732
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	107.568.551.963	93.327.122.209
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	157.475.952.219	94.450.551.879
- Doanh thu thuần khác	3.775.178.060	1.428.065.226

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	69.197.305.415	56.585.183.033
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	97.391.641.976	81.725.396.036
Giá vốn kinh doanh bất động sản	115.832.122.132	74.128.794.529
Giá vốn khác	53.822.982	-
Cộng	282.474.892.505	212.439.373.598

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.037.329.414	1.442.571.021
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	584.827.621	188.357.293
Lãi đầu tư cổ phiếu	6.595.566.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.378.686.200	910.000.000
Các khoản khác	19.627.680	37.799.655
Cộng	11.616.036.915	2.578.727.969

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.614.092.367	1.002.874.144
Chi phí khác	147.172.635	-
Cộng	4.761.265.002	1.002.874.144

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.658.103.319	1.113.419.082
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.697.769	37.385.715
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.481.664	125.463.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	394.681.882	485.898.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.471.828.126	1.483.128.120
Chi phí khác	4.641.351.288	1.566.488.740
Cộng	10.279.144.048	4.811.783.450

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.318.357.921	2.628.077.353
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	259.030.126	551.101.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	821.931.683	613.198.945
Thuế, phí lệ phí	12.000.000	11.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	428.766.519	470.878.828
Chi phí khác	3.192.341.421	2.688.318.524
Cộng	9.032.427.670	6.962.574.785

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.363.636.369	-
Xử lý vật tư hàng hóa thừa	2.332.509.010	929.818.090
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	224.850.000	6.105.825.252
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	4.183.264.215	4.110.388.916
Các khoản thu nhập khác	98.643.773	792.421
Cộng	8.202.903.367	11.146.824.679

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	729.865.679	1.308.214.666
Chi tiền phạt vi phạm hợp đồng	165.280.880	221.260.000
Các khoản chi phí khác	1.384.639	6.552.557
Cộng	896.531.198	1.536.027.223

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.436.462.507	26.323.847.870
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	42.436.462.507	26.323.847.870
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.122	2.632

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.119.997.550	79.963.091.510
Chi phí nhân công	11.001.753.953	6.416.370.842
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.189.278.669	3.703.329.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.329.172.347	9.610.905.055
Chi phí khác	8.874.953.160	5.502.244.743
Cộng	130.515.155.679	105.195.941.881

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	339.900.000	221.491.000
Tiền thưởng	261.000.000	214.000.000
Cộng	600.900.000	435.491.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty thương mại đầu tư và phát triển TNHH một thành viên Becamex IDC	Cổ đông đại diện vốn nhà nước
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng hệ thống
Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ	Công ty cùng hệ thống
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng hệ thống
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty thương mại đầu tư và phát triển TNHH một thành viên Becamex IDC</i>		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	53.425.532.100	50.703.900.145
Các khoản khác	10.367.870	576.795.513

Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương

Bán nguyên vật liệu	11.566.244.682	19.047.443.324
---------------------	----------------	----------------

Công ty cổ phần bê tông Becamex

Bán nguyên vật liệu	1.897.894.997	9.224.592.611
---------------------	---------------	---------------

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tổng Công ty thương mại đầu tư và phát triển TNHH một thành viên Becamex IDC</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	22.849.932.153	39.541.620.994
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	195.627.317.910	175.638.722.868

Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương

Tiền bán nguyên vật liệu	8.466.725.640	15.243.856.490
--------------------------	---------------	----------------

Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp Bình Dương

Tiền bán nguyên vật liệu	3.802.799.790	3.802.799.790
--------------------------	---------------	---------------

Công ty cổ phần bê tông Becamex

Tiền bán nguyên vật liệu	1.052.574.823	308.709.814
--------------------------	---------------	-------------

Cộng nợ phải thu

231.799.350.316	234.535.709.956
------------------------	------------------------

***Tổng Công ty thương mại đầu tư và phát triển
TNHH một thành viên Becamex IDC***

Thu hộ tiền bán đất	154.782.401.400	155.706.988.900
---------------------	-----------------	-----------------

Cộng nợ phải trả

154.782.401.400	155.706.988.900
------------------------	------------------------

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường số 8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.



Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 26 tháng 7 năm 2010



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: D8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

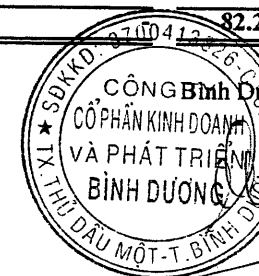
Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	2.122.223.840	500.000.000	12.070.121.520	5.407.200.771	-	22.497.466.787	142.597.012.918
Tăng vốn trong năm	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	70.241.796.202	70.241.796.202
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	(35.000.000.000)	(35.000.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	6.979.988.610	3.489.994.305	500.000.000	(17.949.971.524)	(6.979.988.609)
Chi quỹ trong năm	-	(60.000.000)	(500.000.000)	-	-	-	-	(560.000.000)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	2.062.223.840	-	19.050.110.130	8.897.195.076	500.000.000	39.789.291.465	270.298.820.511
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	2.062.223.840	-	19.050.110.130	8.897.195.076	500.000.000	39.789.291.465	270.298.820.511
Tăng vốn trong năm kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	42.436.462.507	42.436.462.507
Chuyển sang quỹ thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Số dư cuối kỳ	200.000.000.000	2.062.223.840	-	19.050.110.130	8.897.195.076	-	82.225.753.972	312.235.283.018

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



Bình Dương, ngày 26 tháng 7 năm 2010